



ĐIỂM TIN | VFM

THÁNG 10/2012

GIỚI THIỆU VFM

Công ty VietFund Management là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân pháp nhân trong và ngoài nước.

Trong năm 2008, dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư được công ty Viet Fund Management tập trung triển khai cho các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân, các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước. VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Hãy dành thời gian để tận hưởng cuộc sống của riêng mình – tài sản mà bạn giao phó đã được chúng tôi quản lý một cách chuyên nghiệp nhất và bạn hoàn toàn yên tâm vì điều đó.



Trụ sở chính

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: (84 8) 3825 1488 Fax: (84 8) 3825 1489

Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3942 8168 Fax: (84 4) 3942 8169

QUỸ ĐẦU TƯ

VF1

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 10/2012

Trong tháng 10/2012, xu hướng chính của thị trường chứng khoán là đi ngang và tích lũy với khối lượng và giá trị giao dịch vẫn ở mức thấp. Kinh tế vĩ mô cũng như tình hình xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa có nhiều biến chuyển tích cực.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/10/2012, VN-Index đạt 388,4 điểm và giảm -1,1% trong khi HNX-Index đạt 53,0 điểm và giảm -4,4% so với tháng trước.

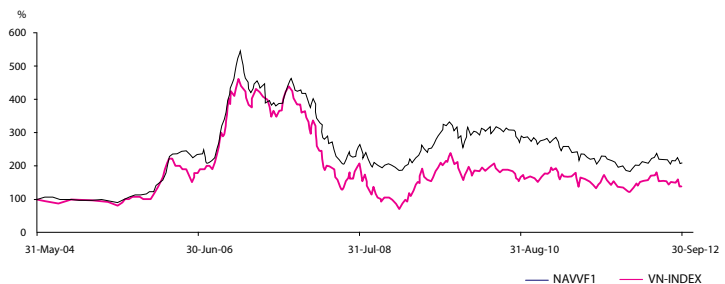
Trong kỳ, quỹ đầu tư VF1 ghi nhận mức tăng trưởng 0,7% nhờ vào sự tăng trưởng tốt của cổ phiếu ngành Thực phẩm và Năng lượng. Kết thúc tháng 10, NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 14.636 đồng/chứng chỉ quỹ, tăng 0,7% so với tháng 9.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/10/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (20/05/2004)
VF1	1.000,0	1.463,6	14,636	0,7	(4,3)	(11,4)	7,5	12,7	46,36 *
VN-Index			388,4	(1,1)	(6,3)	(18,0)	10,5	10,5	48,5
HNX-Index			53,0	(4,4)	(23,4)	(33,6)	(9,7)	(9,7)	(47,0)

(*): chưa bao gồm các lần trả cổ tức

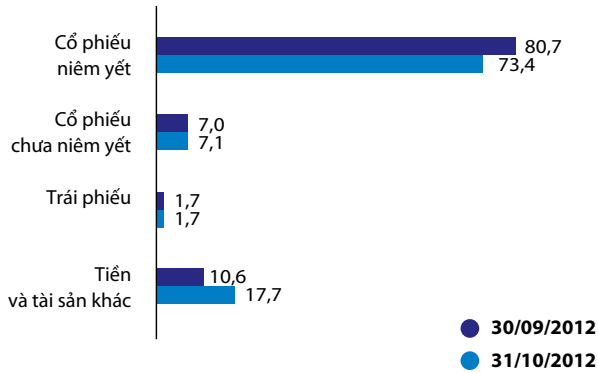
Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 20/05/2004=100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)	(0,9)	(1,4)	(1,7)	(3,4)	0,7			12,7	15,5
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

(*): tính trên vốn bình quân

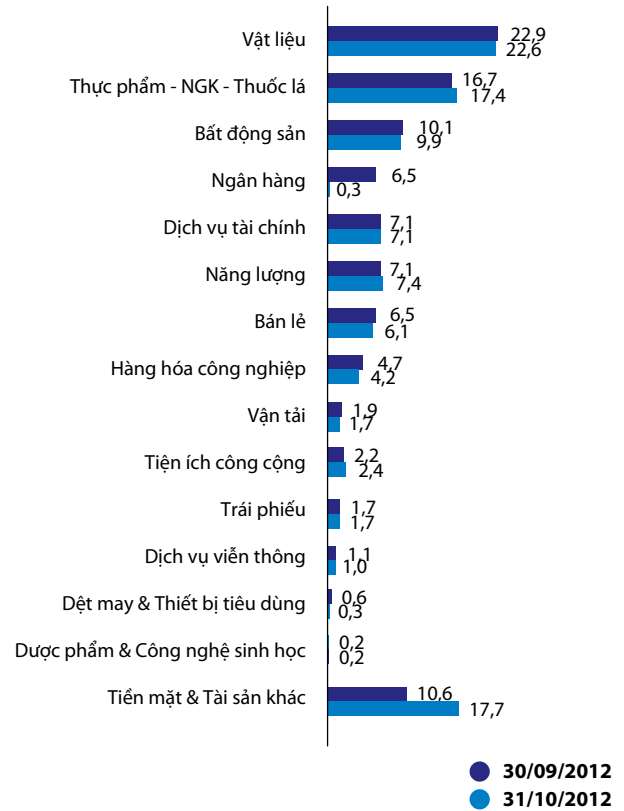
Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 10, tỷ trọng Cổ phiếu niêm yết giảm từ 80,7% NAV tại 30/09/2012 xuống 73,4% NAV tại 31/10/2012 do hoạt động thanh hoán ròng. Tỷ trọng tiền mặt, do vậy, tăng từ 10,64% NAV tại 30/09/2012 lên 17,75% NAV tại 31/10/2012.

Tỷ trọng cổ phiếu OTC & Upcom và Trái phiếu không thay đổi so với tháng trước, lần lượt đạt 7,1% NAV và 1,7% NAV.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 10/2012, Quỹ VF1 tiếp tục thanh hoán hết ngành ngân hàng nhằm tránh những rủi ro có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Tại thời điểm 31/10/2012, tỷ trọng ngành ngân hàng chỉ còn chiếm 0,3% NAV, còn lại cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ đầu tư VF1 không thay đổi nhiều so với cuối tháng 9.

Tính đến thời điểm 31/10/2012, danh mục đầu tư của quỹ VF1 bao gồm 34 cổ phiếu thuộc 13 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Vật Liệu (22,6%)
- + Thực phẩm, NGK& Thuốc Lá (17,4%)
- + Bất Động Sản (9,9%)
- + Năng Lượng (7,4%)
- + DV Tài Chính (7,1%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VF4

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Investmend Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/6/2008
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
VNM	HOSE	16,7
DPM	HOSE	12,4
FPT	HOSE	8,4
MSN	HOSE	6,8
VCB	HOSE	5,8

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 10/2012

Xu hướng đi ngang tích lũy là xu hướng chủ đạo của thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 10. Khối lượng và giá trị giao dịch bình quân của thị trường tăng nhẹ so với tháng 9.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/10/2012, VN-Index đạt 388,42 điểm và giảm -1,1% so với cuối Quý III trong khi HNX-Index đạt 53,02 điểm và giảm -4,4% so với tháng 9.

Trong khi đó quỹ đầu tư VF4 ghi nhận mức tăng trưởng 1,1% trong kỳ nhờ vào tăng trưởng về thị giá của các cổ phiếu thuộc ngành Thực phẩm & NGK, Thuốc Lá và ngành Dược phẩm.

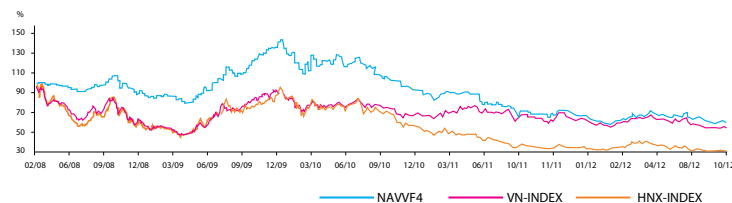
Kết thúc tháng 10, NAV của Quỹ đầu tư VF4 đạt 6236,9 đồng/chứng chỉ quỹ, tăng 1,1% so với cuối tháng 9.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/10/2012			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm (28/2/2008)
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	
VF4	806,5	503,0	6.237	1,1	(6,1)	(11,8)	6,8	13,2	(17,6)*
VN-Index			388,4	(1,1)	(6,3)	(18,0)	0,1	10,5	(43,4)
HNX-Index			53,0	(4,4)	(23,4)	(33,6)	(12,5)	(9,7)	(77,2)

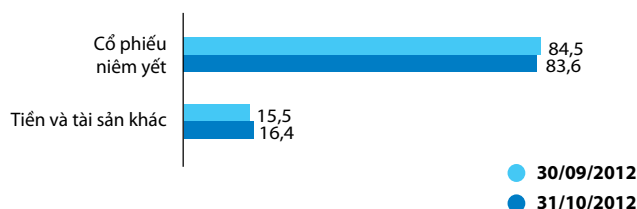
(*) sau khi trừ cổ tức 1,000 đồng/cổ phiếu trong tháng 12/2009 và 1,000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong tháng 04/2010

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 28/02/2008=100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)	(0,2)	(0,7)	(3,6)	(3,7)	1,1			13,2	16,0
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

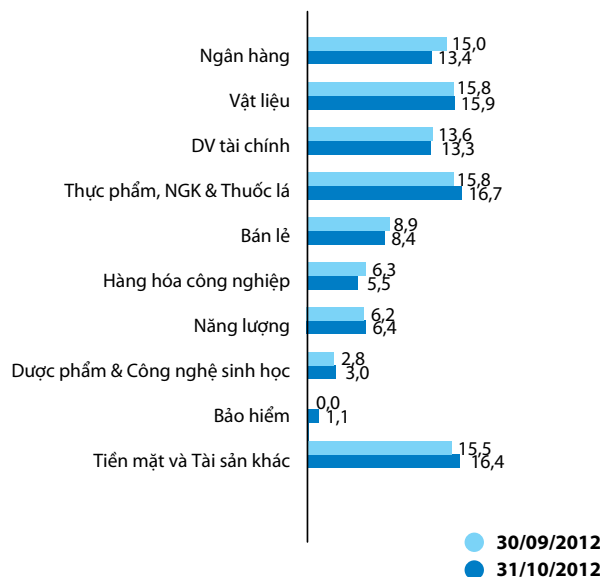
Phân bố tài sản (%)



Trong tháng 10, tỷ trọng Cổ phiếu niêm yết giảm từ 84,5% NAV tại 30/09/2012 xuống 83,6% NAV tại 31/10/2012 do hoạt động thanh toán ròng trong kỳ.

Tỷ trọng tiền mặt do đó cũng tăng lên 16,4%.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong khi ngành Ngân hàng bị tác động giảm tỷ trọng do hoạt động thanh toán, các ngành Hàng hoá Công nghiệp và Bán lẻ bị giảm tỷ trọng do thị giá cổ phiếu giảm trên thị trường.

Ngành Thực phẩm, NGK & Thuốc lá và ngành Dược phẩm vẫn duy trì được sức tăng trưởng tốt nên tỷ trọng NAV tăng tương đối so với cuối tháng 9.

Hoạt động thanh toán ròng trong tháng 10 cũng làm cho tỷ trọng tiền mặt tăng từ 15,51 % NAV tại 30/09/2012 lên 16,39 % NAV tại 31/10/2012.

Tính đến thời điểm 31/10/2012, danh mục đầu tư của quỹ VF4 bao gồm 19 cổ phiếu thuộc 9 nhóm ngành, trong đó 5 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất bao gồm:

- + Thực phẩm, NGK & Thuốc Lá (16,7%)
- + Vật Liệu (15,9%)
- + Ngân Hàng (13,4%)
- + DV Tài Chính (13,3%)
- + Bán lẻ (8,4%)

QUỸ ĐẦU TƯ

VFA

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên tiếng Anh	Vietnam Active Fund
Mã giao dịch	VFMVFA
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	240.437.600.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	24.043.760 đvq
Ngày thành lập	02/04/2010
Ngày niêm yết	08/09/2010
Thời hạn hoạt động	5 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng Far East National - CN TP. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,04%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ
Mục tiêu đầu tư	Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

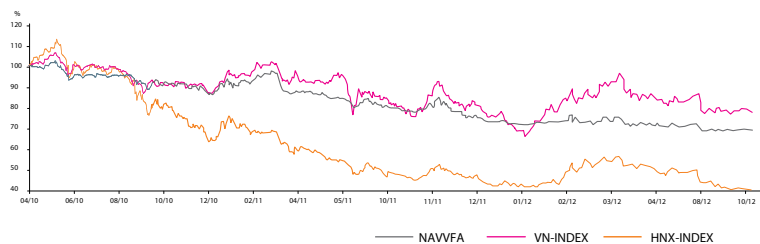
Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 10/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục mất điểm khi cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index lần lượt giảm 1,1% và 4,4% trong tháng 10/2012. Trong cùng kỳ, NAV trên chứng chỉ Quỹ VFA đạt 6.903,5 đồng và có mức giảm 0,2% trong tháng. Lũy kế từ khi hoạt động, NAV của Quỹ đầu tư VFA giảm 31,0%, cao hơn với mức giảm của VN-Index và tương đương với 46% mức giảm của HNX-Index.

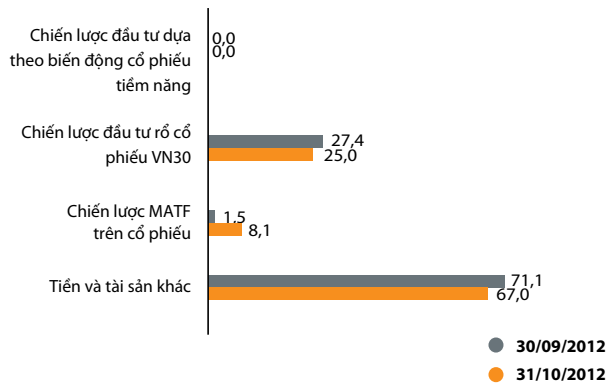
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/10/2012			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (02/04/2010)
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng			
VFA	240,4	165,9	6.903,5	(0,2)	(2,6)	(8,5)	(5,0)	(3,31)	(31,0)	
VN-Index			388,4	(1,1)	(6,3)	(18,0)	0,1	10,5	(23,9)	
HNX-Index			53,0	(4,4)	(23,4)	(33,6)	(12,5)	(9,7)	(67,7)	

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 02/04/2010=100



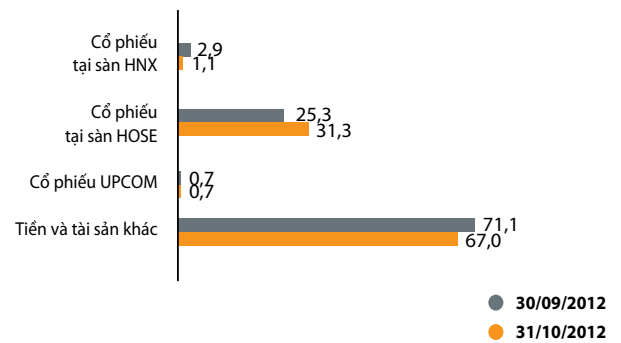
Danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 10/2012, chiến lược MATF trên cổ phiếu thực hiện tín hiệu mua một phần và làm tăng tỷ trọng cổ phiếu nắm giữ của chiến lược này từ 1,5% NAV lên mức 8,1% NAV. Tỷ trọng chiến lược đầu tư rổ cổ phiếu VN30 giảm nhẹ từ 27,4% xuống còn 25,0% chủ yếu do sự giảm giá của thị trường.

Do việc giải ngân của chiến lược MATF trên cổ phiếu nên tỷ trọng tiền mặt giảm từ 71,1% NAV xuống còn 67,0% NAV.

Phân bổ tài sản (%)



Với việc Quý đầu tư VFA thực hiện giải ngân ròng trong tháng 10/2012. Tỷ trọng cổ phiếu sàn HOSE tăng từ 25,3% NAV lên 31,3% NAV. Các cổ phiếu sàn HNX được tái cơ cấu và chuyển sang các cổ phiếu sàn HOSE nên tỷ trọng giảm từ 2,9% NAV xuống còn 1,1% NAV.



VIETFUND MANAGEMENT

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty Vietfund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.